TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2017.
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị D và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thúy
2. Bà Phạm Hồng Thiêm
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1976.

Hộ khâu thường trú: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện nay: Thị trấn S, N, tỉnh Ninh Thuận.

(Chị D và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 1999 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã B đến năm 2005 thì vợ chồng chuyển vào tỉnh Ninh Thuận làm ăn đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã L, huyện T sống ly thân với anh T. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Tôi và anh T có 02 con chung tên là Bùi Thị Mai H sinh ngày 20/12/1999 và con Bùi Ngọc Đ sinh ngày 15/7/2003 Từ khi chúng tôi sống ly thân con H ở với anh T , con Đ ở với tôi. Nay tôi đề nghị tôi nuôi con Đ, anh T nuôi con H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Tôi và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có tài sản gì cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn đơn anh Bùi Ngọc T trình bày:

Tôi và cô D lấy nhau năm 1999có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình, sau khi kết hôn vợ chồng vào sinh sống tại huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, cãi vã và có lúc đánh đập nhau. Cô D đã về quê sinh sống không ai còn quan tâm đến ai, hạnh phúc gia đình không có, cô D xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tôi và cô D có 02 con chung tên là Bùi Thị Mai H sinh ngày 20/12/1999 và con Bùi Ngọc Đ sinh ngày 15/7/2003 Ly hôn tôi nhận nuôi con H, giao con Đ cho cô D nuôi dưỡng, tôi không đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc cháu Đ.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Tôi và cô D tự thỏa thuận về tài sản chung, không có tài sản gì cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T; giao cho chị D trực tiếp nuôi dạy con chung Đ, giao cho anh T trực tiếp nuôi dạy con H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Bùi Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 1999 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 13, sổ đăng ký kết hôn xã*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là có thật, đã được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận. Chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và hai vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 06 năm 2016 đến nay. Anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, xét tình trạng hôn nhân, xét yêu cầu xin ly hôn cho thấy chị D và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, áp dụng các điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Bùi Ngọc T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên là Bùi Thị Mai H sinh ngày 20/12/1999 và con Bùi Ngọc Đ sinh ngày 15/7/2003. Xét yêu cầu về con chung thì thấy cả hai đều thống nhất để con H cho anh T nuôi dưỡng, giao con Đ cho chị D nuôi dưỡng chăm sóc. Hai bên đề nghị không

phải cấp dưỡng nuôi con nên áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không có tài sản gì cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[5] Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35; khoản 2 điều 227 và điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Bùi Ngọc T

2. Về quan hệ con chung: Chị D và anh T xác định có 02 con chung là Bùi Thị Mai H sinh ngày 20/12/1999 và con Bùi Ngọc Đ sinh ngày 15/7/2003. Xử giao con Bùi Thị Mai H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Bùi Ngọc Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hai bên có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có tài sản cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, biên lai số 0001068 ngày 28/6/2017 thành tiền án phí.

Chị D và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hằng